

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - THANH HÓA**

Bản án số: 35/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tổng Đức Như; ông Trần Khắc Tấn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND)
khu vực 6 - Thanh Hóa.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử TAND khu vực 6 - Thanh Hóa, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 44/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị [Phan Thị S](#) - sinh năm 1997

CCCD số 038197000972

Cư trú tại: [Thôn Y, xã H, tỉnh Thanh Hóa](#) (vắng mặt có lý do).

Bị đơn: Anh [Nguyễn Văn L](#), sinh năm 1990

CCCD số 038090042408

Cư trú tại: [Thôn Y, xã H, tỉnh Thanh Hóa](#) (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/02/2026 và bản tự khai, nguyên đơn chị [Phan Thị S](#) trình bày:

Chị và anh [Nguyễn Văn L](#) đăng ký kết hôn với nhau ngày 14/3/2018 tại [UBND xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa \(nay là xã N, tỉnh Thanh Hóa\)](#). Việc vợ

chồng đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, xuất phát từ quá trình tìm hiểu và có tình yêu với nhau mới đi đến hôn nhân. Trong cuộc sống, thời gian đầu vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc. Nhưng khoảng mấy năm nay, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm trong đời sống hôn nhân của hai vợ chồng không hoà hợp và không thể tìm được tiếng nói chung. Mặc dù chị và anh [L](#) đã rất cố gắng để thấu hiểu nhau hơn, hai bên gia đình cũng đã khuyên nhủ và hoà giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hoà hợp được như trước. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng dần chở nên áp lực nặng nề và mâu thuẫn ngày càng trở nên nghiêm trọng. Hiện nay, chị và anh [L](#) đã sống ly thân 6 năm nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh [Nguyễn Văn L](#).

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là [Nguyễn Tâm N](#), sinh ngày 29/8/2018. Hiện nay cháu [N](#) đang ở với chị, do chị chăm sóc nuôi dưỡng. Chị nhận thấy mình có đủ điều kiện về vật chất và tinh thần để có thể nuôi dưỡng và đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của cháu. Vì vậy chị đề nghị Toà án giải quyết giao con chung là cháu [Nguyễn Tâm N](#) cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu [N](#) đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Chị [S](#) không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án TAND khu vực 6- Thanh Hoá đã nhiều lần triệu tập anh [L](#) đến Toà án trình bày nguyện vọng của anh [L](#) về việc chị [S](#) khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, tuy nhiên anh [Lưu K](#) có mặt, không thể hiện quan điểm, nguyện vọng của mình về ly hôn, con cái và tài sản để Toà án xem xét. Vì vậy, Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Toà án đã làm việc với ông [Nguyễn Văn S1](#) (bố đẻ anh [Nguyễn Văn L](#)), ông [S1](#) cho biết: Vợ chồng anh [Nguyễn Văn L](#) (con trai ông) và chị [Phan Thị S](#) kết hôn năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại nhà ông. Sau đó con dâu ông sinh cháu [Nguyễn Tâm N](#), được hơn nửa tháng thì 2 mẹ con chị [S](#) về bên ngoại tại [xã N](#) ở từ đó đến nay không về nhà ông. Nay chị [S](#) làm đơn ly hôn với anh [L](#) Toà án đã gửi và tổng đạt thông báo thụ lý, các giấy triệu tập lần 1, lần 2. Tuy nhiên, con trai ông là [Nguyễn Văn L](#) đi làm bận rộn không có thời gian đến Toà án làm việc. Ông đã thông báo cho anh [L](#) biết về nội dung chị [S](#) làm đơn ly hôn và xin nuôi con nhưng anh [L](#) con ông nói là tùy ở chị [S](#). Hiện nay chị [S](#) đang làm việc tại Công ty ở [xã N](#), anh [L](#) làm nghề tự do. Anh [L](#) và chị [S](#) ít khi liên lạc với nhau.

Tại biên bản xác minh ngày 10/3/2026 ông [Nguyễn Văn D](#), trưởng thôn [Y, tỉnh Thanh Hóa](#) cho biết: Vợ chồng anh [Nguyễn Văn L](#) và chị [Phan Thị S](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại [UBND xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa](#) năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà chồng ở [Thôn Y](#). Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như thế nào thôn không nắm rõ vì vợ chồng không báo cáo chính quyền địa phương và không yêu cầu thôn

tổ chức hoà giải. Nay chị S đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã N, huyện T (nay là xã N, tỉnh Thanh Hóa) ở khoảng 7 năm nay. Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Tâm N, sinh năm 2018. Hiện nay chị S đang làm công ty M, còn anh L làm nghề tự do.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 24/3/2026 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19/3/2026, tuy nhiên, anh L vắng mặt không có lý do, chị S có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự (BLTTDS), TAND khu vực 6- Thanh Hoá tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Chấp hành đúng các quy định tố tụng, không có vi phạm.

- * Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị S
- Về hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn L
- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Tâm N (nữ), sinh ngày 29/8/2018 cho chị Phan Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động. Anh Lưu K phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị S không yêu cầu.
- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu nên đề nghị HĐXX miễn xét.
- * Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đề nghị buộc chị Phan Thị S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- [1] Về thủ tục tố tụng:
 - [1.1] Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Phan Thị S khởi kiện yêu cầu TAND khu vực 6 - Thanh Hoá giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; Bị đơn cư trú tại xã H, tỉnh Thanh Hóa, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 6 - Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS;
 - [1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Phan Thị S có đơn đề nghị Toà án tiến hành xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị S và anh L theo quy định tại khoản 2

Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phan Thị S và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã N, tỉnh Thanh Hóa), như vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị S là do quan điểm trong đời sống hôn nhân của hai vợ chồng không hoà hợp và không thể tìm được tiếng nói chung. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng dần chở nên áp lực nặng nề và mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân 6 năm nay. Ông S1 (bố đẻ anh L) cho biết con dâu ông sinh cháu Nguyễn Tâm N, được hơn nửa tháng thì 2 mẹ con chị S về bên ngoại tại xã N ở từ đó đến nay không về nhà ông. Anh L đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Toà án và Toà án đã triệu tập anh L nhiều lần đến Toà án làm việc nhưng anh Lưu K đến không thể hiện quan điểm của mình về việc có đồng ý ly hôn hay không.

HĐXX thấy, trong cuộc sống hôn nhân giữa chị S và anh L luôn xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng không còn liên lạc với nhau, không nói chuyện với nhau chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị S được ly hôn với anh L là phù hợp.

[2.2] Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Nguyễn Tâm N (nữ), sinh ngày 29/8/2018. Chị S có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu N đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX thấy: Cháu N hiện nay đang còn nhỏ để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho cháu, tạo điều kiện cho cháu ổn định về tinh thần và cháu N cần có bàn tay chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ, hơn nữa nguyện vọng của cháu N cũng muốn ở với mẹ. Vì vậy, giao cháu N cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động. Anh Lưu K phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị S không yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phan Thị S phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:**

- Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiêu mục 1. 1 phần 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* *Tuyên xử*: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị [Phan Thị S](#)

- Về hôn nhân: Xử cho chị [Phan Thị S](#) được ly hôn với anh [Nguyễn Văn L](#).

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu [Nguyễn Tâm N](#) (giới tính: nữ), sinh ngày 29/8/2018 cho chị [Phan Thị S](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động. Anh [Lưu K](#) phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị [Phan Thị S](#).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu nên Tòa án miễn xét.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị [Phan Thị S](#) phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị [S](#) đã nộp tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 6- Thanh Hoá ngày 03/02/2026 theo biên lai thu số: 0000876. Như vậy, chị [S](#) đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị [Phan Thị S](#) và anh [Nguyễn Văn L](#).

Chị [Phan Thị S](#) và anh [Nguyễn Văn L](#) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6;
- Đương sự;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Ngọc Trạo, tỉnh Thanh Hoá
(ĐK 14/32018);

- *Lưu*

hồ

sơ

vụ

án.

TÓNG THỊ HÀ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

